ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 24 /2013/QĐ-UBND	*Cần Thơ, ngày 09 tháng 10 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của thành phố Cần Thơ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 10 năm 2013 và đăng báo Cần Thơ chậm nhất là ngày 14 tháng 10 năm 2013 và thay thế Quyết định số 16/2011/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của thành phố Cần Thơ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp; Bộ Nội vụ;
- TT.Thành ủy, TT.HĐND TP;
- UBMTTQ và các đoàn thể cấp TP;
- VP Thành ủy và các Ban Đảng;
- Sở, Ban ngành thành phố;
- TT. HĐND và UBND quận, huyện;
- Báo Cần Thơ;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(đã ký)
Lê Hùng Dũng

- Trung tâm Công báo;
- Cổng TTĐT thành phố;
- VP.UBND TP (2,3,5);
- Lưu: VT,XD

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của thành phố Cần Thơ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 24 /2013/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Đối tượng áp dụng:

a) Cán bộ, công chức trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội cấp thành phố, cấp huyện;

b) Cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

c) Những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu vực;

d) Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp;

đ) Viên chức hợp đồng làm việc không xác định thời hạn trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ hoàn toàn;

e) Các đối tượng khác thực hiện đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu của Ban Thường vụ Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố (nếu có);

g) Luật sư, cán bộ quản lý doanh nghiệp và hiệp hội ngành hàng, khi các đối tượng này tham gia vào các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hội nhập, kinh tế quốc tế chuyên sâu do các cơ quan nhà nước tổ chức đào tạo ở trong nước; công chức thực hiện chế độ tập sự dự bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức và vị trí việc làm.

(sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức và được viết tắt là CBCCVC).

2. Phạm vi áp dụng:

a) Quy định này được áp dụng cho tất cả các trường hợp CBCCVC được cử đi học các lớp đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa, nâng cao năng lực chuyên môn phục vụ nhiệm vụ đang đảm nhận và vị trí công tác, sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước;

b) Các trường hợp CBCCVC đi học không thuộc kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan, đơn vị, thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét giải quyết tùy theo tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, kinh phí do cá nhân tự túc.

Điều 2. Mục tiêu, nguyên tắc trong công tác đào tạo, bồi dưỡng

1. Mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng là trang bị kiến thức về: lý luận chính trị; quản lý hành chính nhà nước; chuyên môn, nghiệp vụ; ngoại ngữ, tin học, hội nhập quốc tế, tiếng dân tộc và kỹ năng, phương pháp thực hiện nhiệm vụ nhằm xây dựng đội ngũ CBCCVC thành thạo về chuyên môn nghiệp vụ, chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả công tác, có phẩm chất đạo đức, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao, có đủ năng lực góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại, hiệu lực, hiệu quả.

2. Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức:

a) Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức (sau đây viết tắt là Nghị định số 18/2010/NĐ-CP);

b) Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng viên chức thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (sau đây viết tắt là Nghị định số 29/2012/NĐ-CP);

c) Đối với việc cử CBCCVC đi đào tạo sau đại học tại các chương trình liên kết đào tạo giữa cơ sở đào tạo nước ngoài và cơ sở đào tạo trong nước, phải chọn các chương trình liên kết đào tạo được phê duyệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Việc cử CBCCVC đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài phải theo Đề án đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và thực hiện theo quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức (gọi tắt là Thông tư số 139/2010/TT-BTC);

đ) CBCCVC tự ý dự tuyển, chưa có ý kiến cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp, khi trúng tuyển sẽ không được cử đi đào tạo, ngoại trừ trường hợp CBCCVC tự túc hoàn toàn về thời gian và kinh phí, đảm bảo tham gia đầy đủ các hoạt động của cơ quan;

e) Không cử CBCCVC đi đào tạo, bồi dưỡng từ hai khóa học trở lên trong cùng một thời gian tập trung học tập;

g) Các trường hợp đào tạo sau đại học do yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho việc: thành lập mới, nâng cấp hoặc chia tách đơn vị; các trường hợp được cấp học bổng đào tạo ở nước ngoài sẽ do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định tùy theo tình hình thực tế tại địa phương.

Điều 3. Thẩm quyền ban hành quyết định cử CBCCVC đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định cử CBCCVC đi đào tạo, bồi dưỡng đối với:

a) Các chức danh theo phân cấp quản lý của Ban Thường vụ Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố.

Đối với cán bộ quản lý ở các cơ quan Nhà nước thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý, nếu thời gian học dưới 03 tháng, Sở Nội vụ trao đổi thống nhất với Ban Tổ chức Thành ủy trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định; nếu thời gian học từ 03 tháng trở lên, cơ quan cử đi học xin ý kiến Ban Thường vụ Thành ủy chấp thuận trước khi đề nghị về Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

b) CBCCVC ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương;

c) Chủ tịch công ty, Giám đốc và Kiểm soát viên doanh nghiệp nhà nước (nếu có);

d) Cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài có sử dụng ngân sách Nhà nước.

2. Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cử các chức danh còn lại thuộc cơ quan, đơn vị quản lý (kể cả các khóa học không sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước); khi cử cán bộ, công chức đi đào tạo sau đại học bằng nguồn ngân sách Nhà nước, gửi danh sách cử cán bộ, công chức đi đào tạo sau đại học bằng nguồn ngân sách nhà nước để Sở Nội vụ theo dõi, tổng hợp.

Chương II
QUẢN LÝ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

Mục 1
NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH, CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VÀ PHÂN CÔNG TỔ CHỨC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

Điều 4. Nội dung, chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng và thời gian thực hiện các loại chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 18/2010/NĐ-CP.

Điều 5. Tổ chức biên soạn, thẩm định và điều chỉnh chương trình đào tạo, bồi dưỡng

1. Chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được biên soạn, tổ chức giảng dạy và quản lý theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 18/2010/NĐ-CP.

2. Việc tổ chức biên soạn chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 18/2010/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2011/TT-BNV).

3. Thẩm định chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng:

a) Sở Nội vụ tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thẩm định theo thẩm quyền phân cấp các chương trình, tài liệu bồi dưỡng như sau: Tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chuyên ngành; tài liệu bồi dưỡng cập nhật theo vị trí việc làm trước khi đưa vào sử dụng theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ;

b) Việc thẩm định chương trình đào tạo bồi dưỡng thực hiện theo quy định tại Chương I Thông tư số 03/2011/TT-BNV.

4. Cơ quan biên soạn giáo trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn sử dụng giáo trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng sau khi có quyết định ban hành sử dụng;

b) Tổ chức nghiên cứu, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền cho phép chỉnh lý, bổ sung, hoàn thiện giáo trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

Điều 6. Chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

Chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 18/2010/NĐ-CP và Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17 Thông tư số 03/2011/TT-BNV.

Điều 7. Phân công tổ chức đào tạo, bồi dưỡng

1. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng: Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

2. Trường Chính trị thành phố có nhiệm vụ thực hiện các quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 18/2010/NĐ-CP.

3. Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng còn lại do Sở Nội vụ tổ chức thực hiện hoặc phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ sở đào tạo, các tổ chức có chức năng, các Học viện, trường và trung tâm trực thuộc bộ và cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện theo thẩm quyền và nhiệm vụ được giao.

Mục 2
QUYỀN LỢI, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC TRONG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện để cử cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Các tiêu chuẩn và điều kiện chung:

Cán bộ, công chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải đảm bảo:

a) Đã được bổ nhiệm chính thức vào ngạch công chức, trong định biên được Ủy ban nhân dân thành phố giao (đối với cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã); có trình độ chuyên môn phù hợp với nội dung, chương trình của khóa đào tạo, bồi dưỡng hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm; có khả năng tiếp thu kiến thức phục vụ thiết thực cho nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị;

b) Đối với các khóa học có thời gian đào tạo từ một năm trở lên, có cam kết thực hiện phục vụ nhiệm vụ, công vụ sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 3 lần thời gian đào tạo;

c) Đối với các đối tượng được đánh giá hằng năm, phải có ít nhất 03 năm liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ (hoặc 02 năm liền là Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở) đối với trường hợp cử đi đào tạo và hoàn thành tốt nhiệm vụ năm trước khi được cử đi bồi dưỡng.

2. Các tiêu chuẩn và điều kiện cụ thể để cử cán bộ, công chức đi đào tạo:

a) Đào tạo trình độ sau đại học: Đảm bảo các quy định tại Điều 20 của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP và Điều 24 Thông tư số 03/2011/TT-BNV;

b) Đào tạo các trình độ còn lại: Chỉ thực hiện cử đi đào tạo trình độ cao đẳng, đại học đối với các trường hợp do cơ quan, đơn vị được tổ chức, sắp xếp lại; công chức đã được bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ lãnh đạo mà chưa đáp ứng tiêu chuẩn trình độ đào tạo theo quy định và phải đạt các điều kiện như sau:

- Đào tạo trình độ đại học: Chỉ áp dụng đối với trường hợp cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và CBCCVC ở một số ngành nghề đặc thù, thời gian phục vụ sau khi tốt nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật;

- Đào tạo trình độ cao đẳng: Chỉ áp dụng đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; có độ tuổi (tính từ thời điểm được cử đi đào tạo) từ 45 trở lên (đối với nam) hoặc từ 40 trở lên (đối với nữ); kinh phí do cá nhân tự túc.

3. Việc cử cán bộ, công chức đi bồi dưỡng ở nước ngoài, ngoài việc thực hiện các quy định tại điểm d khoản 2 Điều 2 Quy định này, còn thực hiện theo quy định tại Chương III Thông tư số 03/2011/TT-BNV.

4. Việc tập huấn, bồi dưỡng để nâng cao năng lực, kỹ năng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn: Thực hiện cho tất cả cán bộ, công chức hội đủ các điều kiện theo quy định của cơ sở đào tạo và quy định của Quy định này.

Điều 9. Quyền lợi của cán bộ, công chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Được hưởng các quyền lợi theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 18/2010/NĐ-CP.

2. Sau khi tốt nghiệp được xem xét để hưởng chế độ hỗ trợ khuyến khích theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố (nếu có) và các chính sách khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm của cán bộ, công chức

1. Cán bộ, công chức phải thường xuyên học tập, nâng cao trình độ lý luận; kiến thức, kỹ năng hoạt động chuyên môn nghiệp vụ và các kiến thức bổ trợ khác theo quy định; thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 18/2010/NĐ-CP.

2. Cán bộ, công chức đang giữ chức vụ và thuộc ngạch, chức danh nào đều phải được đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng các tiêu chuẩn trình độ kiến thức quy định cho chức vụ và ngạch, chức danh đó.

3. Cán bộ, công chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải chấp hành tốt nội quy, quy chế và chịu sự quản lý của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian tham gia khóa học và phải đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ học tập.

4. Sau khi kết thúc khóa học, cán bộ, công chức phải báo cáo kết quả học tập cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng.

5. Cán bộ, công chức không chấp hành quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan, cấp có thẩm quyền mà không có lý do chính đáng sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định.

Mục 3
KINH PHÍ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VÀ ĐỀN BÙ CHI PHÍ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 11. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 18/2010/NĐ-CP; việc quản lý, sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC.

Điều 12. Trường hợp phải đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng áp dụng đối với các trường hợp cán bộ, công chức được cử đi đào tạo từ trình độ đại học trở lên ở trong nước hoặc đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài.

2. Cán bộ, công chức không chấp hành các quy định, tùy theo tính chất và mức độ, phải đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng và các chi phí khác theo quy định trong các trường hợp sau:

a) Được cử đi đào tạo, bồi dưỡng nhưng tự ý bỏ học mà không có lý do chính đáng hoặc bị đình chỉ học tập; tự ý không tham gia khóa học khi đã làm đầy đủ các thủ tục nhập học và đã được cơ quan cấp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng;

b) Cán bộ, công chức tham gia khóa học đầy đủ thời gian theo quy định (có xác nhận của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng) nhưng không được cấp văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận theo quy định của khóa học do nguyên nhân chủ quan;

c) Tự ý bỏ việc, xin thôi việc trong thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc xin chuyển công tác theo nguyện vọng cá nhân trong thời gian cử đi đào tạo, bồi dưỡng, gồm:

- Chuyển công tác sang các cơ quan, đơn vị không thuộc phạm vi ngân sách thành phố cấp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng;

- Chuyển công tác sang các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi ngân sách thành phố cấp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng để làm công việc không phù hợp với trình độ, chuyên ngành được cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

d) Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng mà không chấp hành sự phân công, điều động của tổ chức, cơ quan có thẩm quyền hoặc tự ý bỏ việc vì lý do cá nhân hoặc chưa công tác đủ thời gian yêu cầu phục vụ theo quy định.

Điều 13. Hội đồng xét đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Nội vụ quyết định thành lập Hội đồng xét đền bù theo đề nghị của cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức phải thực hiện đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng.

2. Thành phần Hội đồng, nguyên tắc làm việc và cuộc họp của Hội đồng xét đền bù được thực hiện theo quy định tại Điều 28, Điều 29, Điều 30 của Thông tư số 03/2011/TT-BNV.

Điều 14. Chi phí đền bù, cách tính chi phí đền bù, điều kiện được tính giảm chi phí đền bù, quyết định đền bù, trả và thu hồi chi phí đền bù thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2011/TT-BNV.

Chương III
QUẢN LÝ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VIÊN CHỨC

Điều 15. Nội dung, chương trình, tổ chức biên soạn, thẩm định và điều chỉnh nội dung, chương trình và chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 33 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP.

Điều 16. Tiêu chuẩn để cử viên chức đi đào tạo

1. Viên chức thuộc đối tượng tại điểm đ khoản 1 Điều 1 Quy định này được cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải đảm bảo các quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 36 của Nghị định số 29/2012/NĐ-CP.

2. Viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài, ngoài việc thực hiện các quy định tại điểm d khoản 2 Điều 2 Quy định này, còn thực hiện các quy định tại khoản 3 Điều 36 của Nghị định số 29/2012/NĐ-CP.

3. Việc tập huấn, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, cập nhật kiến thức: Thực hiện cho tất cả viên chức hội đủ các điều kiện theo quy định của cơ sở đào tạo và của Quy định này.

Điều 17. Quyền lợi, trách nhiệm của viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Quyền lợi của viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Viên chức.

2. Trách nhiệm của viên chức khi thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 35 Luật Viên chức.

Điều 18. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức được thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP.

2. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức được chi trả từ nguồn ngân sách Nhà nước chỉ áp dụng đối với viên chức hợp đồng không xác định thời hạn trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ hoàn toàn; việc quản lý, sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức được thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC.

Điều 19. Đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và ngoài nước phải đền bù chi phí đào tạo trong các trường hợp sau:

a) Trong thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, viên chức tự ý bỏ học hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc;

b) Viên chức hoàn thành khóa học nhưng không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng tốt nghiệp, chứng nhận kết quả học tập;

c) Viên chức đã hoàn thành và được cấp bằng tốt nghiệp khóa học từ trình độ đại học trở lên nhưng chưa phục vụ đủ thời gian theo cam kết quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP;

d) Không hoàn thành nhiệm vụ học tập và thời gian phục vụ vì các lý do chủ quan, không chính đáng khác do thủ trưởng cơ quan xác định.

2. Các trường hợp viên chức không phải đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng:

a) Viên chức không hoàn thành khóa học do ốm đau phải điều trị, có xác nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền;

b) Viên chức chưa phục vụ đủ thời gian theo cam kết phải thuyên chuyển công tác được cơ quan có thẩm quyền đồng ý;

c) Đơn vị sự nghiệp công lập đơn phương chấm dứt hợp đồng đối với viên chức khi đơn vị buộc phải thu hẹp quy mô, không còn vị trí việc làm hoặc chấm dứt hoạt động theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

d) Các lý do bất khả kháng khác được cấp có thẩm quyền xét chấp thuận.

Điều 20. Quyết định đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập cấp thành phố hoặc người đứng đầu cơ quan quản lý đơn vị sự nghiệp (đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc cơ quan hành chính và Ủy ban nhân dân quận, huyện) quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình đối với mức đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng của viên chức theo quy định.

2. Trong trường hợp cần thiết, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập cấp thành phố hoặc người đứng đầu cơ quan quản lý đơn vị sự nghiệp (đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc cơ quan hành chính và Ủy ban nhân dân quận, huyện) có thể tham khảo các cơ quan chức năng liên quan trước khi quyết định mức đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng.

Điều 21. Chi phí và cách tính đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng

Chi phí đền bù và cách tính chi phí đền bù thực hiện theo Điều 17 Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức.

Điều 22. Thu hồi tiền đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Chậm nhất trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định về việc đền bù chi phí đào tạo, viên chức phải đền bù chi phí đào tạo có trách nhiệm nộp trả đầy đủ một lần khoản tiền phải đền bù theo quyết định.

2. Số tiền đền bù chi phí đào tạo của viên chức phải được đơn vị sự nghiệp công lập thu nộp vào ngân sách (trường hợp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được chi từ ngân sách); nộp vào tài khoản của đơn vị tại Kho bạc nhà nước (trường hợp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được chi từ các nguồn khác) và theo dõi, quản lý, sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

3. Trường hợp viên chức phải đền bù chi phí đào tạo không thực hiện trách nhiệm đền bù thì cơ quan, đơn vị ban hành quyết định đền bù không giải quyết các chế độ, chính sách và có quyền khởi kiện theo quy định pháp luật.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN TRONG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 23. Việc quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của thành phố do Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện thống nhất theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và phân cấp quản lý của Ban Thường vụ Thành ủy.

Sở Nội vụ là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC thuộc hệ Nhà nước quản lý.

Điều 24. Việc quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC trong các cơ quan Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội cấp thành phố, cấp huyện và học viên thuộc diện quản lý của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Thành ủy.

Điều 25. Trách nhiệm của sở, ban ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý thông qua Sở Nội vụ tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

2. Tổ chức triển khai, hướng dẫn và chỉ đạo thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng hằng năm đã được phê duyệt.

3. Trực tiếp quản lý và lập thủ tục thanh quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được phân bổ hằng năm theo quy định.

4. Sắp xếp, bố trí CBCCVC đi đào tạo, bồi dưỡng đúng đối tượng quy hoạch, theo kế hoạch được phê duyệt, đúng ngành, đúng lĩnh vực và bố trí công việc phù hợp với trình độ chuyên môn CBCCVC được đào tạo, bồi dưỡng; đảm bảo thực hiện chế độ đào tạo theo quy định, để thực hiện việc hoàn thiện tiêu chuẩn ngạch và cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực chuyên môn; theo dõi, đánh giá kết quả học tập của CBCCVC thuộc phạm vi quản lý.

5. Báo cáo kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC thuộc thẩm quyền quản lý cho Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Nội vụ và các cơ quan quản lý cấp trên theo định kỳ hoặc đột xuất.

6. Phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng, thực hiện các chương trình, đề án liên quan đến chính sách phát triển nguồn nhân lực của thành phố.

Sở, ban ngành thành phố phối hợp với Trường Chính trị thành phố, Sở Nội vụ biên soạn tài liệu bồi dưỡng kỹ năng chuyên ngành theo hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền.

7. Thực hiện chế độ hướng dẫn tập sự; đề xuất việc biên soạn và lựa chọn chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với vị trí việc làm của CBCCVC; tạo điều kiện để CBCCVC thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

8. Đối với Ủy ban nhân dân quận, huyện, ngoài việc thực hiện các trách nhiệm nêu trên, còn thực hiện:

a) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý; tổ chức triển khai, theo dõi, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng sau khi được phê duyệt;

b) Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách, nguồn kinh phí được phân bổ hằng năm đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC; bố trí khoản ngân sách hợp lý đầu tư trang thiết bị, xây dựng cơ sở vật chất cho các cơ sở đào tạo thuộc địa phương, đảm bảo thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng;

c) Phối hợp quản lý Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thuộc quận, huyện; tổ chức bồi dưỡng nâng cao, cập nhật kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng quản lý chuyên ngành cho cán bộ quản lý cấp phòng và tương đương, các chức danh chuyên môn cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn) theo chuyên môn ngành dọc và một số đối tượng khác theo nhu cầu.

Điều 26. Trách nhiệm và quyền hạn của Sở Nội vụ

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân thành phố các văn bản quy phạm pháp luật, các chế độ, chính sách thuộc lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC (ngắn hạn, trung hạn và dài hạn) trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt; tổ chức, hướng dẫn thực hiện và chịu trách nhiệm về quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng sau khi được ban hành; theo dõi, tổng hợp kết quả đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của thành phố.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch, chương trình, đề án đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC ở ngoài nước bằng nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ khác; tổ chức thực hiện kế hoạch chương trình sau khi được phê duyệt theo quy định.

4. Thẩm định kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của sở, ban ngành, đơn vị sự nghiệp cấp thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hằng năm.

5. Lập kế hoạch kinh phí và phối hợp với Sở Tài chính phân bổ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho các đơn vị theo kế hoạch; kiểm tra việc thực hiện kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đã phân bổ.

6. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan tổ chức các khóa bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và kỹ năng chuyên ngành theo quy định; phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan đề xuất đội ngũ giảng viên kiêm chức thực hiện đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC

trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt làm cơ sở cho việc tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyên ngành, theo vị trí việc làm của CBCCVC.

7. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC thuộc thẩm quyền.

8. Tổ chức các hoạt động thi đua và khen thưởng, kỷ luật về công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC theo quy định hiện hành.

9 Theo dõi, tổng hợp, báo cáo (định kỳ hoặc đột xuất) kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của các cơ quan, đơn vị trong thành phố cho Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Nội vụ.

10. Thực hiện các hoạt động phục vụ trực tiếp công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của thành phố và được chi từ nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo quy định tại điểm 1.12 khoản 1 Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC.

11. Lập và quản lý kinh phí chi cho công tác xây dựng và triển khai các chương trình, đề án, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC; công tác biên soạn chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng được phân cấp theo quy định hiện hành; bồi dưỡng kỹ năng chuyên ngành cho CBCCVC, chi cho công tác đánh giá chương trình, giáo trình tài liệu bồi dưỡng CBCCVC (nếu có).

Điều 27. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Sở Tài chính là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý, cấp phát và quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC trong thành phố.

Ngoài các quy định chung về trách nhiệm của sở, ban ngành trong công tác quy hoạch và quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC thuộc phạm vi quản lý, Sở Tài chính có trách nhiệm:

1. Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ tổng hợp kế hoạch, lập dự toán chi ngân sách cho công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt hằng năm.

2. Trình Ủy ban nhân dân thành phố phân bổ chỉ tiêu dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC cho các cơ quan, đơn vị theo quy định. Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của các cơ quan, đơn vị trong thành phố.

3. Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành chính sách chế độ đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội và khả năng ngân sách của thành phố.

4. Hướng dẫn, kiểm tra và thực hiện quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC đối với cơ quan, đơn vị theo đúng quy định.

Điều 28. Trách nhiệm của Trường Chính trị thành phố

1. Trên cơ sở kế hoạch của Ban Tổ chức Thành ủy và Sở Nội vụ, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho CBCCVC và cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn, đại biểu Hội đồng nhân dân quận, huyện theo quy định.

2. Phối hợp với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng khác tổ chức bồi dưỡng tạo nguồn và kỹ năng quản lý cho cán bộ lãnh đạo cấp phòng của địa phương; mở lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn ở các ngành, lĩnh vực nhằm đáp ứng yêu cầu của CBCCVC và nhu cầu của xã hội.

3. Nghiên cứu đổi mới nội dung, chương trình, nâng cao chất lượng giảng dạy; đổi mới phương thức đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

4. Nghiên cứu biên soạn giáo trình, chương trình đào tạo kỹ năng chuyên ngành theo chức danh và các yêu cầu theo cơ quan có thẩm quyền.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Chế độ thông tin báo cáo

1. Định kỳ hằng năm, các cơ quan, đơn vị và địa phương báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC đã được phê duyệt, số lượng CBCCVC được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, các lớp đào tạo, tập huấn đã tổ chức; đồng thời, lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC thuộc phạm vi quản lý của năm tiếp theo trên cơ sở quy hoạch chung của ngành và địa phương.

2. Trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị và địa phương, Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo định kỳ và đột xuất; đồng thời, đề xuất biện pháp xử lý các cơ quan, đơn vị không chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

Điều 30. Chế độ kiểm tra

Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất, giám sát đánh giá tình hình thực hiện các nội dung của Quy định, kế hoạch, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của các cơ quan, đơn vị, địa phương, bảo đảm đạt được các chỉ tiêu được giao, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ quy định; nếu phát hiện sai phạm, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố có biện pháp xử lý kịp thời; đồng thời tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng theo quy định các cá nhân và tổ chức có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC.

Điều 31. Sở Nội vụ có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy định này; trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để được xem xét, chỉ đạo thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(đã ký)
Lê Hùng Dũng